TAND HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số 64/2018/HNGĐ- ST
Ngày 20/7/2018
V/v: Không công nhận là vợ chồng giữa chị L và anh H.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa pH tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Chung;
2. Bà Nguyễn Thị Hoan.

- Thư ký pH tòa: Bà Nguyễn Thị Hương- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia pH tòa: Ông Nguyễn Văn Thành- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở pH tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 155/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2018 về việc: "Không công nhận là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2018/QĐXX- ST ngày 04 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn B 3, xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn B 3, xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Năm 1993, được sự đồng ý của hai gia đình, chị và anh H đã tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau đám cưới chị về chung sống cùng anh H ngay. Trước khi tổ chức đám cưới, chị và anh H có được tự nguyện tìm hiểu. Do hiểu biết pháp luật hạn chế nên đến nay chị và anh H vẫn chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống chị và anh H thường xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân do chị và anh H bất đồng về quan điểm sống trong sinh hoạt gia đình và làm ăn kinh tế. Do kinh tế gia đình khó khăn, chị và anh H phải đi làm ăn xa nên tình cảm ngày càng rạn nứt, chị và anh H không còn thương yêu tin tưởng nhau nữa. Chị và anh H đã sống ly thân, chấm dứt mọi đã được quan hệ hơn 10 năm. Nay chị không thể tiếp tục chung sống cùng anh H được nữa, đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh H là vợ chồng.

Về con chung: Các con chị đều đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại pH tòa, chị Nguyễn Thị L vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

Tại bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Xuân H trình bày: Năm 1993, anh kết hôn với chị Nguyễn Thị L trên cơ sở được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, nhưng đã để thất lạc đăng ký, không cung cấp cho Tòa án được. Ban đầu anh và chị L chung sống hạnh phúc, sau đó do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, chị L đi làm ăn kinh tế ở xa, từ năm 2004 đến nay chị L mới về thăm gia đình một lần. Nay chị L yêu cầu Tòa án tuyên bố chị và anh không phải là vợ chồng, anh đồng ý.

Về con chung: Các con anh đều đã trưởng thành, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại pH tòa, anh Nguyễn Xuân H vắng mặt (có đơn xin vắng mặt)

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại pH tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị L và Nguyễn Xuân H là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại pH tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Xuân H, nhưng chị H, anh L đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L chung sống như vợ chồng với anh Nguyễn Xuân H từ năm 1993 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã nên đây là hôn nhân không hợp pháp. Quá trình chung sống chị L và anh H đã nẩy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống. Nay chị L, anh H xác định không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa, đề nghị Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Nguyên Xuân H là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003120 ngày 12 tháng 4 năm 2018, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. Về kháng cáo: Báo cho đương sự vắng mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND cùng cấp;*
- *Chi cục THADS cùng cấp;*
- *UBND xã L;*
- *Lưu hồ sơ, v/p.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa pH tòa

Nguyễn Văn Huân

TAND HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số 64/2018/HNGĐ- ST
Ngày 20/7/2018
V/v: Không công nhận là vợ chồng giữa chị L và anh H.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa pH tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Chung;
2. Bà Nguyễn Thị Hoan.

- Thư ký pH tòa: Bà Nguyễn Thị Hương- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia pH tòa: Ông Nguyễn Văn Thành- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở pH tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 155/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2018 về việc: "Không công nhận là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2018/QĐXX- ST ngày 04 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn B 3, xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn B 3, xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Năm 1993, được sự đồng ý của hai gia đình, chị và anh H đã tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau đám cưới chị về chung sống cùng anh H ngay. Trước khi tổ chức đám cưới, chị và anh H có được tự nguyện tìm hiểu. Do hiểu biết pháp luật hạn chế nên đến nay chị và anh H vẫn chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống chị và anh H thường xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân do chị và anh H bất đồng về quan điểm sống trong sinh hoạt gia đình và làm ăn kinh tế. Do kinh tế gia đình khó khăn, chị và anh H phải đi làm ăn xa nên tình cảm ngày càng rạn nứt, chị và anh H không còn thương yêu tin tưởng nhau nữa. Chị và anh H đã sống ly thân, chấm dứt mọi đã được quan hệ hơn 10 năm. Nay chị không thể tiếp tục chung sống cùng anh H được nữa, đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh H là vợ chồng.

Về con chung: Các con chị đều đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại pH tòa, chị Nguyễn Thị L vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

Tại bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Xuân H trình bày: Năm 1993, anh kết hôn với chị Nguyễn Thị L trên cơ sở được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, nhưng đã để thất lạc đăng ký, không cung cấp cho Tòa án được. Ban đầu anh và chị L chung sống hạnh phúc, sau đó do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, chị L đi làm ăn kinh tế ở xa, từ năm 2004 đến nay chị L mới về thăm gia đình một lần. Nay chị L yêu cầu Tòa án tuyên bố chị và anh không phải là vợ chồng, anh đồng ý.

Về con chung: Các con anh đều đã trưởng thành, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại pH tòa, anh Nguyễn Xuân H vắng mặt (có đơn xin vắng mặt)

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại pH tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị L và Nguyễn Xuân H là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại pH tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Xuân H, nhưng chị H, anh L đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L chung sống như vợ chồng với anh Nguyễn Xuân H từ năm 1993 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã nên đây là hôn nhân không hợp pháp. Quá trình chung sống chị L và anh H đã nẩy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống. Nay chị L, anh H xác định không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa, đề nghị Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Nguyên Xuân H là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003120 ngày 12 tháng 4 năm 2018, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. Về kháng cáo: Báo cho đương sự vắng mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PH TÒA

Nguyễn Văn Huân